

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-01-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Xông Pha.

Ông Trần Hoàng Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Bá Đ, sinh năm 1978; cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1989; cư trú tại ấp Đ, xã , huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Lê Bá Đ và quá trình tố tụng tại Tòa án anh Đ trình bày: Anh và chị Đặng Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 2013, đến ngày 20/7/2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên tự sống riêng với nhau, do điều kiện không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung của anh và chị H có một người tên Lê Su K, sinh ngày 24/3/2015 hiện đang ở cùng chị H, sau khi ly hôn anh chấp nhận giao con cho chị H nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Đặng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của anh Lê Bá Đ được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Đặng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H được xác lập vào năm 2003, đến ngày 20/7/2020 đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình anh Đ và chị H chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, phía anh Đ cương quyết ly hôn trong khi đó chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt điều đó cho thấy bản thân chị H không có thiện chí hàn gắn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Đ và chị H có một người con chung đang ở cùng chị H, sau khi ly hôn anh Đ chấp nhận giao con cho chị H nuôi trong khi đó chị H vắng mặt và không có ý kiến gì về con chung, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp

nhận giao con cho chị H nuôi. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong khi đó chị H vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Lê Bá Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, phần tạm ứng án phí anh Đ đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Bá Đ ly hôn với chị Đặng Thị H.

Về con chung: Chị Đặng Thị H nuôi con tên Lê Su K, sinh ngày 24/3/2015 hiện đang ở cùng chị H, phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị H.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh Lê Bá Đ phải chịu phải chịu 300.000 đồng, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005024 ngày 11/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải

